TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2017/DS-ST
Ngày: 27-10-2017
V/v tranh chấp chia thừa kế tài sản theo pháp luật

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Thường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng

Ông Nguyễn Đình Phùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Ánh Ngọc là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2012/TLST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2012 về tranh chấp chia thừa kế theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 149/2017/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Tố U, cư trú tại: Ấp H, xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Bà U: Anh Trần Vĩnh H, cư trú tại: Ấp H, xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 10 năm 2017); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đình A, cư trú tại: Số đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Đình A: Ông Trần Công L; cư trú tại: Số đường M, thành phố Q, tỉnh Bình Định là Luật sư Văn phòng luật sư C và thuộc đoàn luật sư tỉnh Bình Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Đình B, cư trú tại: USA; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của Ông B: Bà Nguyễn Thị Tố U, trú tại: Ấp H, xã H, huyện H, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 29 tháng 2 năm 2012); vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Đình H, cư trú tại: Số đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

3. Ông Nguyễn Tấn L, cư trú tại: Số đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ông L: Ông Võ Hồng N; cư trú tại: Số đường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định là Luật sư của Văn phòng luật sư N và thuộc đoàn luật sư tỉnh Bình Định.

4. Bà Nguyễn Thị Tố N, cư trú tại: Số đường P, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Tố M, cư trú tại: Số đường N, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

6. Chị Bùi Thị Thu T, cư trú tại: Khu vực, phường Đ, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

7. Anh Bùi Xuân T; vắng mặt.

8. Anh Bùi Anh T1; vắng mặt.

9. Anh Bùi Quốc K; vắng mặt.

10. Anh Bùi Quốc B; vắng mặt.

11. Chị Bùi Thị Kim C; có mặt.

Cùng cư trú tại: Tổ, Khu vực, phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp của chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B: Chị Bùi Thị Kim C, trú tại: Tổ, Khu vực , phường H, thành phố Q, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền của chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B (Văn bản ủy quyền ngày 22 tháng 11 năm 2012); có mặt.

12. Bà Nguyễn Thị Lan A, cư trú tại: Số đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà A: Ông Nguyễn Đình A, trú tại: Số đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 06 tháng 7 năm 2013); có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 02 năm 2012 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tố U và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh Trần Vĩnh H người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị Tố U trình bày:

Cụ Nguyễn Đình B chết năm 1997, cụ Nguyễn Thị N chết năm 2002; có 8 người con: ông Nguyễn Đình B; ông Nguyễn Đình H; bà Nguyễn Thị Tố N; bà Nguyễn Thị Tố U; ông Nguyễn Tấn L; bà Nguyễn Thị Tố M; ông Nguyễn Đình A; bà Nguyễn Thị Tố B (chết 1995, có chồng tên là Bùi Văn L chết năm 2011, có 06 người con: Bùi Thị Kim C, Bùi Thị Thu T, Bùi Xuân T, Bùi Anh T1, Bùi Quốc K, Bùi Quốc B). Ngoài ra, cụ B, cụ N mẹ tôi không có con riêng con nuôi. Cha mẹ cụ B, cụ N chết trước cụ B, cụ Nhi.

Nhà đất tại Số đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định là của cụ B, cụ N chết để lại, không để lại di chúc nên bà U yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, bà xin nhận giá trị.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đình A trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của bà U về năm chết và các con của cụ B, cụ Nhi.

Nguồn gốc thửa đất tọa lạc tại Số đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định là của cụ B, cụ N trước khi chết đã cho ông, khi cho chỉ nói bằng miệng không có giấy tờ gì. Đối với ngôi nhà hiện nay là của vợ chồng ông đầu tư xây dựng mới lại toàn bộ vào năm 1991, có Hợp đồng giao nhận thi công giữa ông với ông Nguyễn Thế H ngày 15 tháng 10 năm 1991.

Như vậy, nhà đất tại Số đường T, thành phố Q là của vợ chồng ông nên không đồng ý chia.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Đình H, bà Nguyễn Thị Tố M, bà Nguyễn Thị Tố N thống nhất trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của bà U. Khi xây dựng nhà vào năm 1991 ông H góp 10.000.000 đồng, bà N góp 20.000.000 đồng, bà M góp 8.000.000 đồng, đưa trực tiếp cho cha mẹ, không có giấy tờ gì. Nay yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, xin nhận giá trị.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Nguyễn Tấn L trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của bà U. Khi xây dựng nhà vào năm 1991 ông góp 10.000.000 đồng, đưa trực tiếp cho cha mẹ, không có giấy tờ gì. Nay ông xin nhận hiện vật và thối lại giá trị cho các đồng thừa kế với giá đất là 50.000.000 đồng/m^2 còn nhà trên đất thống nhất giá 368.944.056 đồng.

Tại bản tự khai, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Bùi Thị Kim C cũng là người đại diện hợp pháp của chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của bà U, các anh chị em xin nhận phần của mẹ là bà B.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 10 năm 2017 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Đình B trình bày:

Thống nhất như lời trình bày của bà U. Khi xây dựng nhà vào năm 1991 ông góp 21 lượng vàng 9999, đưa trực tiếp cho cha mẹ, không có giấy tờ gì. Nay yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật, xin nhận giá trị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà U có cung cấp giấy ủy quyền của ông B nhưng bản pho to không có bản chính, đến ngày 20/10/2017 ông B có mặt tại Việt Nam khai: ngày 29/02/2012 ông có xác lập giấy ủy quyền cho bà U tham gia tố tụng nhưng bản gốc đã mất, đề nghị Tòa chấp nhận việc ủy quyền trên và xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì Hội đồng xét xử vẫn tiến hành vắng mặt.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ B chết năm 1997, cụ N chết năm 2002, đến ngày 12/02/2012 bà U có đơn yêu cầu chia thừa kế di sản của cụ B, cụ N theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 688, Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì còn thời hiệu khởi kiện chia thừa kế.

[3] Về di sản thừa kế của cụ B, cụ Nhi:

Theo ông B, ông H, bà N, bà U, ông L, bà M, chị C, chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B cho rằng nhà, đất tại Số đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định là di sản của cụ B, cụ N để lại chưa chia còn vợ chồng ông A cho rằng nhà vợ chồng ông xây dựng, đất của cha mẹ đã cho vợ chồng ông. Thấy rằng:

Về đất: Các bên đương sự đều thống nhất nguồn gốc đất là của cụ B, cụ Nhi, nhưng vợ chồng ông A cho rằng cha mẹ đã cho, chỉ nói miệng không ai thấy ai biết, không có viết giấy tờ, ông A đóng thuế sử dụng đất từ khi cụ N chết cho đến nay nên không có chứng cứ chứng minh; còn ông B, ông H, bà N, bà U, ông L, bà M, chị C, chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B không thừa nhận, trong khi đó cụ B là người đứng tên kê khai đăng ký quyền sử dụng đất nên theo quy định Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì vợ chồng ông Anh phải chịu hậu quả không chứng minh được. Do đó, không chấp nhận lời nại của vợ chồng ông A cho rằng cha mẹ đã cho đất cho vợ chồng ông A.

Về nhà: ông B, ông H, bà N, bà U, ông L, bà M, chị C, chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B cho rằng nhà là của cụ B, cụ N xây dựng các ông bà có đóng góp

nhưng không ai thấy ai biết, không có chứng chứng minh; còn vợ chồng ông A không chấp nhận mà cho rằng nhà do vợ chồng xây dựng có cung cấp Hợp đồng giao nhận thi công giữa ông với ông Nguyễn Thế H ngày 15 tháng 10 năm 1991 và trang sau của hợp đồng ông H đã ghi 05 lần có nhận tiền và vàng do ông A giao cho ông H; trong khi đó ông B có cung cấp giấy xác nhận của ông H ghi ngày 15/01/2012 là ông B có giao cho ông H 21 lượng vàng 9999, nhưng hiện nay ông H đã chết, Đội xây dựng H đã giải thể cho nên không có cơ sở để làm rõ giấy xác nhận của ông H nên theo quy định Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 thì phải ông B, ông H, bà N, bà U, ông L, bà M phải chịu hậu quả không chứng minh được. Do đó, không chấp nhận lời nại của ông B, ông H, bà N, bà U, ông L, bà M, chị C, chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B cho rằng nhà là của cụ B, cụ N xây dựng.

[4] Những người thừa kế theo pháp luật của cụ B chết năm 1997, cụ N chết năm 2002, không có di chúc, cha mẹ của cụ B, cụ N chết trước cụ B, cụ N và cụ B, cụ N có 08 người con chung, không có con riêng nên theo quy định các Điều 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì những người thừa kế theo pháp luật của cụ B gồm: Cụ N, ông B, ông H, bà N, bà U, ông L, bà M, ông A còn chị C, chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B là thừa kế thế vị; những người thừa kế theo pháp luật của cụ N gồm: Ông B, ông H, bà N, bà U, ông L, bà M, ông A còn chị C, chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B là thừa kế thế vị.

[5] Về phân chia di sản theo luật: Theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài ngày 10/5/2017 thì di sản của cụ B, cụ N để lại hiện nay vợ chồng ông A quản lý, sử dụng được có giá trị là 2.180.500.000 đồng (62,3 m^2 đất ở x 35.000.000 đồng).

[5.1] Về phân chia di sản theo giá trị: Phần di sản của cụ B, cụ N mỗi cụ 1.090.250.000 đồng (2.180.500.000 đồng : 2).

Phân chia di sản thừa kế của cụ B theo luật gồm cụ N, ông B, ông H, bà N, bà U, ông L, bà M, ông A mỗi người được hưởng 151.423.611 đồng (1.211.388.888 đồng : 8); chị C, chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B là thừa kế thế vị được hưởng 151.423.611 đồng.

Phân chia di sản thừa kế của cụ N theo luật gồm ông B, ông H, bà N, bà U, ông L, bà M, ông A mỗi người được hưởng 121.138.888 đồng (1.090.250.000 đồng : 9); chị C, chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B là thừa kế thế vị được hưởng 121.138.888 đồng.

Như vậy, ông B, ông H, bà N, bà U, ông L, bà M, ông A mỗi người được hưởng 272.562.499 đồng (121.138.888 đồng + 151.423.611 đồng); chị C, chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B được hưởng 272.562.499 đồng.

[5.2] Phân chia bằng hiện vật:

Ông L xin nhân nhà đất và thối lại giá trị cho các đồng thừa kế với giá đất là 50.000.000 đồng/m² nhưng ông A không chấp nhận. Thấy rằng: Nhà trên đất là của

vợ chồng ông A, quá trình sử dụng đất ông A ở với cha mẹ từ nhỏ đến nay hiện nay không có chỗ ở nào khác và nhà, đất diện tích nhỏ không chia hai được về giá ông L đưa ra giá 50.000.000 đồng/m² nhưng không yêu cầu định giá lại, trong khi đó Tòa đã thành lập Hội đồng định giá tiến hành định giá ngày 10/7/2017 xác định giá thị trường 35.000.000 đồng/m². Do đó, Hội đồng xét xử giao cho ông A được quyền sử dụng 62,3 m² đất ở tại Số đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định và ông A phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho ông B, ông H, bà N, bà U, ông L, bà M mỗi người 272.562.499 đồng và chị C, chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B 272.562.499 đồng.

[6] Theo quy định tại khoản 7 Điều 27, khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 12 thì ông B, ông H, bà N, bà U, ông L, bà M, ông A mỗi phần phải chịu 13.628.124 đồng (272.562.499 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm và chị C, chị T, anh T, anh T1, anh K, anh B phải liên đới chịu 13.628.124 đồng.

[7] Tòa đã chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá 1.500.000 đồng bà U tự nguyện chịu, đã nộp tạm ứng chi xong.

[8] Luật sư bảo vệ bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là chỉ phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử về nhà, còn đất không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[9] Luật sư bảo vệ bảo vệ quyền và lợi ích của ông L đề nghị chấp nhận yêu cầu của ông L là chỉ phù hợp một phần nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chỉ chấp nhận một phần.

[10] Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu chia thừa kế của bà U, xác định quyền sử dụng đất là di sản của cụ B, cụ N, còn nhà là tài sản của vợ chồng ông A, giao đất cho ông A tiếp tục sử dụng và thối lại giá trị cho các đồng thừa kế, với giá trị đất 35.000.000 đồng/m² là phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 91 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; các điểm b, d khoản 1 Điều 688 và các Điều 623, 649, 651, 652, 659, 660 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 7 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 về án phí, lệ phí Toà án ngày 27 tháng 02 năm 2009 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khóa 12. Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia thừa kế của bà Nguyễn Thị Tố U.

1. Giao cho ông Nguyễn Đình A, bà Nguyễn Thị Lan A được quyền sở hữu nhà và ông Nguyễn Đình A được quyền sử dụng 62,3 m² đất ở tại Số đường T, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Có sơ đồ kèm theo).

2. Buộc ông Nguyễn Đình A thanh toán cho ông Nguyễn Đình B; ông Nguyễn Đình H; bà Nguyễn Thị Tố N; bà Nguyễn Thị Tố U; ông Nguyễn Tấn L; bà Nguyễn Thị Tố M mỗi người 272.562.499 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng) và chị Bùi Thị Kim C, chị Bùi Thị Thu T, anh Bùi Xuân T, anh Bùi Anh T1, anh Bùi Quốc K, anh Bùi Quốc B 272.562.499 đồng (Hai trăm bảy mươi hai triệu năm trăm sáu mươi hai nghìn bốn trăm chín mươi chín đồng).

3. Về án phí, chi phí tố tụng:

3.1. Ông Nguyễn Đình B; ông Nguyễn Đình H; bà Nguyễn Thị Tố N; bà Nguyễn Thị Tố U; ông Nguyễn Tấn L; bà Nguyễn Thị Tố M; ông Nguyễn Đình A mỗi người phải chịu 13.628.124 đồng (Mười ba triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Bà U được khấu trừ 3.900.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 004650 ngày 13 tháng 11 năm 2012 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bình Định, Bà U còn phải nộp 9.728.124 đồng (Chín triệu bảy trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi bốn đồng).

3.2. Chị Bùi Thị Kim C, chị Bùi Thị Thu T, anh Bùi Xuân T, anh Bùi Anh T1, anh Bùi Quốc K, anh Bùi Quốc B phải chịu 13.628.124 (Mười ba triệu sáu trăm hai mươi tám nghìn một trăm hai mươi bốn đồng).

3.4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị Tố U tự nguyện 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng) được khấu trừ 1.500.000 đồng tiền tạm ứng chi phí đã nộp theo Phiếu thu ngày 16 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, bà U đã nộp xong.

3.5. Chi phí đăng tin: Bà Nguyễn Thị Tố U tự nguyện 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) được khấu trừ 2.000.000 đồng theo Phiếu thu ngày 23 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định, bà U đã nộp xong.

4. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

4.1. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4.2. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Định;
- Cục THADS tỉnh Bình Định;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tòa dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Thường